

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST

Ngày: 27-11-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sinh;

Ông Phan Văn Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Dược phẩm X.

Địa chỉ: Số 04, Đường 30/4, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Trần Thị Đ, sinh năm 1952, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1962, chức danh: Phó Tổng Giám đốc;

(Theo Giấy ủy quyền số 113/UQ-IMEX ngày 07-11-2017).

2/ Nguyễn Thành N, sinh năm 1980.

(Theo Giấy ủy quyền số 33/UQ-IMEX ngày 01-7-2019).

Cùng địa chỉ: Số 04, Đường 30/4, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1976 (Chủ Quầy thuốc H).

Địa chỉ: Ấp C, xã S, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

(*Tại phiên tòa ông Nguyễn Thành N có mặt, bà Nguyễn Thị Thu T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành N trình bày: Từ năm 2015, bà Nguyễn Thị Thu T là Chủ Quầy thuốc H nhiều lần mua thuốc của Công ty Cổ phần Dược phẩm X thông qua chi nhánh của Công ty, do bà T mua hàng không ràng buộc về danh số, Chi nhánh của Công ty bán hàng cho bà T qua điện thoại nên không có làm hợp đồng mua bán nhưng vẫn thực hiện việc giao thuốc và xuất hóa đơn bình thường. Đến ngày 27-6-2018, bà T có làm giấy cam kết thanh toán nợ quá hạn và hẹn chậm nhất đến ngày 15-01-2019 sẽ trả hết nợ cho Công ty nhưng vẫn không thực hiện. Sau nhiều lần được Công ty nhắc nhở, đến ngày 02-4-2019, bà T xác nhận còn nợ Công ty số tiền 7.500.000 đồng. Ban đầu Công ty Cổ phần Dược phẩm X khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ mua thuốc là 7.500.000 đồng nhưng nay ông N có thay đổi yêu cầu khởi kiện vì sau khi Công ty khởi kiện thì bà T đã trả cho Công ty được 1.800.000 đồng, đến nay bà T chỉ còn nợ của Công ty 5.700.000 đồng nên Công ty chỉ yêu cầu bà T trả số tiền nợ còn lại là 5.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Thu T trình bày: Bà T thống nhất với diễn biến mua bán thuốc giữa bà T và Công ty Cổ phần Dược phẩm X và còn thiếu của Công ty số tiền 5.700.000 đồng như lời ông N trình bày. Nay qua yêu cầu của Công ty Cổ phần Dược phẩm X thì bà T đồng ý trả cho Công ty số tiền 5.700.000 đồng nhưng xin được trả dần hàng tuần (mỗi tuần trả 500.000 đồng) cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế của bà T hiện nay cũng khó khăn, buôn bán ế ẩm nên không có tiền trả nợ hết 01 lần cho Công ty được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Công ty Cổ phần Dược phẩm X có bán thuốc cho bà T bằng hình thức bán hàng qua điện thoại, bà T nhận hàng và hình thức trả tiền là sau 45 ngày kể từ khi nhận hàng. Quá trình mua bán bà T không trả tiền cho Công ty nên Công ty đã tất toán với bà T, bà T ký tất toán nợ đồng ý trả nợ nhưng không trả được 01 lần, xin trả dần mỗi tuần 500.000 đồng, trong khi đó phía đại diện của Công ty không đồng ý cho bà T trả dần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm X có đăng ký kinh doanh, bà T thì được Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Tân Hồng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh cá thể nên xác định quan hệ tranh chấp là kinh doanh thương mại là đúng quy định của pháp luật.

Công ty bán hàng cho bà T bằng hình thức bán hàng qua điện thoại, bà T đã nhận đủ hàng nhưng không trả tiền theo thỏa thuận, nay Công ty yêu cầu bà T trả tiền cho Công ty là có cơ sở. Bà T cũng thừa nhận có mua hàng và còn thiếu nợ Công ty nhưng không có khả năng trả 01 lần nên xin Công ty trả dần nhưng phía Công ty không chấp nhận theo yêu cầu của bà T. Từ những nhận định trên, việc Công ty Cổ phần Dược phẩm X yêu cầu bà T trả cho Công ty số tiền 5.700.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Dược phẩm X, buộc bà Nguyễn Thị Thu T trả cho Công ty Cổ phần Dược phẩm X số tiền 5.700.000 đồng.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 14-8-2019 nguyên đơn gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đối với bị đơn, xét thấy nguyên đơn có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết vào ngày 28-8-2019 là đúng quy định tại các điều 5, 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị Thu T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Từ năm 2015, bà Nguyễn Thị Thu T (chủ Quầy thuốc H) đã nhiều lần mua thuốc của Công ty Cổ phần Dược phẩm X và còn nợ tiền của Công ty. Đến ngày 27-6-2018, bà T có làm giấy cam kết thanh toán nợ quá hạn và hẹn chậm nhất đến ngày 15-01-2019 sẽ trả hết nợ cho Công ty nhưng vẫn không thực hiện. Sau nhiều lần được Công ty Cổ phần Dược phẩm X nhắc nhở, đến ngày 02-4-2019, Công ty có lập biên bản đối chiếu công nợ với Quầy thuốc H do bà T làm chủ, bà T đã xác nhận còn nợ Công ty số tiền 7.500.000 đồng. Sau đó Công ty Cổ phần Dược phẩm X khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ mua thuốc là 7.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, nhưng trong thời gian chuẩn bị xét xử thì bà T đã trả cho Công ty được 1.800.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 5.700.000 đồng, bà T thừa nhận nợ và đồng ý trả cho Công ty nhưng lại xin được trả dần hàng tuần (mỗi tuần trả 500.000 đồng) cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế của bà T hiện khó khăn, buôn bán ế ẩm nên không có tiền trả nợ hết 01 lần cho Công ty

được, người đại diện theo ủy quyền của Công ty là ông Nguyễn Thành N không thống nhất, Tòa án không hòa giải thành được nên phải đưa vụ án ra xét xử. Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho Công ty Cổ phần Dược phẩm X số tiền nợ mua thuốc là 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng), không có lãi.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”, trong vụ án này bị đơn Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 5.700.000 đồng (dưới 60.000.000 đồng) nên phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Phạm Thanh Tuấn nộp thay) là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số: BH/2017/0008236 ngày 28-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định như trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 24, 50 Luật Thương mại; các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 5, 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Dược phẩm X.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T (chủ Quầy thuốc H) có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Dược phẩm X số tiền nợ mua thuốc là 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng), không có lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án kinh doanh thương mại:

Bà Nguyễn Thị Thu T (chủ Quầy thuốc H) phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí.

Công ty Cổ phần Dược phẩm X không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Dược phẩm X 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Phạm Thanh Tuấn nộp thay) theo biên lai thu số:

BH/2017/0008236 ngày 28-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27-11-2019). Riêng bị đơn Nguyễn Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tựu